SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN LÊ VĂN THỊNH
Số: 1331 /QĐ-BVLVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 09 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v áp dụng giá dịch vụ khám chữa bệnh tại Bệnh viện Lê Văn Thịnh – Khoa khám bệnh số 2 (Phòng khám đa khoa Thảo Điền)

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN LÊ VĂN THỊNH

- Căn cứ Quyết định số 1895/1997/BYT-QĐ ngày 19 tháng 9 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành Quy chế bệnh viện;

- Căn cứ Quyết định số 1199/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tổ chức lại Bệnh viện Quận 2 thành Bệnh viện Lê Văn Thịnh trực thuộc Sở Y tế;

- Căn cứ Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định phương pháp định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh;

- Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

- Căn cứ Nghị Quyết số 11/NQ-HĐND ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 399/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán; giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán; giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước do Thành phố Hồ Chí Minh quản lý;

Theo đề nghị của Phòng Tài chính kế toán và Công đoàn Bệnh viện Lê Văn Thịnh;

QUYẾT ĐỊNH

- **Điều 1.** Nay áp dụng giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện Lê Văn Thịnh – Khoa khám bệnh số 2 (phòng khám đa khoa Thảo Điền) *(theo bảng đính kèm).*

- **Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 04 tháng 09 năm 2026.

- **Điều 3.** Trưởng các khoa phòng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận :
- *Như điều 3;*
- *Lưu VT, TCKT, (T, 2b).*
-
-

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN LÊ VĂN THỊNH

Trần Văn Khanh

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN LÊ VĂN THỊNH

BẢNG GIÁ DỊCH VỤ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TẠI BỆNH VIỆN LÊ VĂN THỊNH - KHOA KHÁM BỆNH SỐ 2
(PHÒNG KHÁM ĐA KHOA THẢO ĐIỀN)
(Theo quyết định số 1331/QĐ-BV ngày 04 tháng 09 năm 2026)

Nhóm	Nhóm con	Mã số	Mã	Nhóm BHYT	Tên Dịch Vụ	Tên khác	Loại	Giá BHYT	Giá viện phí	Giá Dịch Vụ
A.PHẦN A: KHUNG GIÁ KHÁM BỆNH, KIỂM TRA SỨC KHỎE (TH	A.PHẦN A: KHUNG GIÁ KHÁM B	300	03.18	1	Khám Nhi	Khám Nhi		36,500	36,500	120,000
A.PHẦN A: KHUNG GIÁ KHÁM BỆNH, KIỂM TRA SỨC KHỎE (TH	A.PHẦN A: KHUNG GIÁ KHÁM B	301	02.03	1	Khám Nội tổn	Khám Nội tổng hợp		36,500	36,500	120,000
A.PHẦN A: KHUNG GIÁ KHÁM BỆNH, KIỂM TRA SỨC KHỎE (TH	A.PHẦN A: KHUNG GIÁ KHÁM B	860	02.13	1	Khám Da liễu	Khám Da liễu		36,500	36,500	120,000
A.PHẦN A: KHUNG GIÁ KHÁM BỆNH, KIỂM TRA SỨC KHỎE (TH	A.PHẦN A: KHUNG GIÁ KHÁM B	861	10.19	1	Khám Ngoại t	Khám Ngoại tổng hợp		36,500	36,500	120,000
A.PHẦN A: KHUNG GIÁ KHÁM BỆNH, KIỂM TRA SỨC KHỎE (TH	A.PHẦN A: KHUNG GIÁ KHÁM B	859	08.16	1	Khám Y học c	Khám Y học cổ truyền		36,500	36,500	120,000
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	02.NỘI KHOA	1	02.0085.1778	4	Điện tim thườ	Điện tim thường		32,800	32,800	
2.XÉT NGHIỆM	22.HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	2	24.0187.1637	2	Dengue virus	Dengue virus IgM/IgG test nhanh		130,000	130,000	
2.XÉT NGHIỆM	22.HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	4	24.0183.1637	2	Dengue virus	Dengue virus NS1Ag test nhanh		130,000	130,000	
2.XÉT NGHIỆM	22.HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	5	24.0169.1616	2	HIV Ab test nl	HIV Ab test nhanh		53,600	53,600	
2.XÉT NGHIỆM	22.HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	7	24.0117.1646	2	HBsAg test nh	HBsAg test nhanh		53,600	53,600	
2.XÉT NGHIỆM	22.HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	8	24.0006.1723	2	Vi khuẩn khár	Vi khuẩn kháng thuốc định tính		196,000	196,000	
2.XÉT NGHIỆM	22.HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	9	24.0002.1720	2	Vi khuẩn test	Vi khuẩn test nhanh		238,000	238,000	
2.XÉT NGHIỆM	22.HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	10	23.0206.1596	2	Tổng phân tíc	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)		27,400	27,400	
2.XÉT NGHIỆM	22.HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	12	23.0158.1506	2	Định lượng Tr	Định lượng Triglycerid (máu) [Máu]		26,900	26,900	
2.XÉT NGHIỆM	22.HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	13	23.0133.1494	2	Định lượng Pr	Định lượng Protein toàn phần [Máu]		21,500	21,500	
2.XÉT NGHIỆM	22.HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	15	23.0084.1506	2	Định lượng HI	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol) [Mi		26,900	26,900	
2.XÉT NGHIỆM	22.HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	16	23.0083.1523	2	Định lượng HI	Định lượng HbA1c [Máu]		101,000	101,000	
2.XÉT NGHIỆM	22.HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	17	23.0077.1518	2	Đo hoạt độ G	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase) [Máu]		19,200	19,200	
2.XÉT NGHIỆM	22.HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	18	23.0075.1494	2	Định lượng Gl	Định lượng Glucose [Máu]		21,500	21,500	
2.XÉT NGHIỆM	22.HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	20	23.0051.1494	2	Định lượng Cr	Định lượng Creatinin (máu)		21,500	21,500	
2.XÉT NGHIỆM	22.HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	21	23.0027.1493	2	Định lượng Bi	Định lượng Bilirubin toàn phần [Máu]		21,500	21,500	
2.XÉT NGHIỆM	22.HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	24	23.0020.1493	2	Đo hoạt độ A	Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]		21,500	21,500	
2.XÉT NGHIỆM	22.HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	25	23.0019.1493	2	Đo hoạt độ Al	Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]		21,500	21,500	
2.XÉT NGHIỆM	22.HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	27	23.0003.1494	2	Định lượng Ac	Định lượng Acid Uric [Máu]		21,500	21,500	
2.XÉT NGHIỆM	22.HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	28	22.0291.1280	2	Định nhóm m	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật ống nghiệm)		31,100	31,100	
2.XÉT NGHIỆM	22.HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	29	22.0279.1269	2	Định nhóm m	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật ống nghiệm)		39,100	39,100	
2.XÉT NGHIỆM	22.HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	30	22.0160.1345	2	Thể tích khối	Thể tích khối hồng cầu (hematocrit) bằng máy ly tâm		17,300	17,300	
2.XÉT NGHIỆM	22.HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	31	22.0151.1594	2	Cặn Addis	Cặn Addis		43,100	43,100	
2.XÉT NGHIỆM	22.HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	32	22.0143.1303	2	Máu lắng (bằ	Máu lắng (bằng máy tự động)		34,600	34,600	
2.XÉT NGHIỆM	22.HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	33	22.0142.1304	2	Máu lắng (bằ	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)		23,100	23,100	
2.XÉT NGHIỆM	22.HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	34	22.0121.1369	2	Tổng phân tíc	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)		46,200	46,200	
2.XÉT NGHIỆM	22.HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	35	22.0021.1219	2	Co cục máu đ	Co cục máu đông (Tên khác: Co cục máu)		14,900	14,900	
2.XÉT NGHIỆM	22.HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	36	22.0020.1347	2	Thời gian mái	Thời gian máu chảy phương pháp Ivy		48,400	48,400	
2.XÉT NGHIỆM	22.HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	37	22.0019.1348	2	Thời gian mái	Thời gian máu chảy phương pháp Duke		12,600	12,600	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	38	18.0125.0028	3	Chụp X-quang	Chụp X-quang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng [số		73,300	73,300	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	39	18.0124.0034	3	Chụp Xquang	Chụp Xquang thực quản cổ nghiêng		224,000	224,000	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	40	18.0123.0028	3	Chụp Xquang	Chụp Xquang đỉnh phổi ưỡn		65,400	65,400	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	41	18.0122.0028	3	Chụp Xquang	Chụp Xquang khớp ức đòn thẳng chếch		65,400	65,400	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	42	18.0103.0028	3	Chụp Xquang	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng		65,400	65,400	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	44	18.0101.0028	3	Chụp Xquang	Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chếch		65,400	65,400	

Nhóm	Nhóm con	Mã số	Mã	Nhóm BHYT	Tên Dịch Vụ	Tên khác	Loại	Giá BHYT	Giá viện phí	Giá Dịch Vụ
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	45	18.0100.0028	3	Chụp Xquang	Chụp Xquang khớp vai thẳng		65,400	65,400	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	47	18.0098.0028	3	Chụp X-quang	Chụp X-quang khung chậu thẳng [số hóa 1 phim]		65,400	65,400	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	48	18.0097.0030	3	Chụp Xquang	Chụp Xquang khớp cùng chậu thẳng chếch hai bên		122,000	122,000	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	50	18.0095.0028	3	Chụp Xquang	Chụp Xquang cột sống thắt lưng De Sèze		65,400	65,400	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	51	18.0094.0029	3	Chụp Xquang	Chụp Xquang cột sống thắt lưng động, gập ưỡn[kts 2 phim		97,200	97,200	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	52	18.0093.0028	3	Chụp Xquang	Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng		65,400	65,400	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	53	18.0092.0028	3	Chụp Xquang	Chụp Xquang cột sống thắt lưng chếch hai bên		65,400	65,400	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	54	18.0091.0028	3	Chụp X-quang	Chụp X-quang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng [số hóa 1		73,300	73,300	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	55	18.0090.0028	3	Chụp X-quang	Chụp X-quang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chếch [số		73,300	73,300	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	56	18.0089.0028	3	Chụp Xquang	Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2		65,400	65,400	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	57	18.0088.0030	3	Chụp Xquang	Chụp Xquang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế		122,000	122,000	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	58	18.0087.0028	3	Chụp Xquang	Chụp Xquang cột sống cổ chếch hai bên		65,400	65,400	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	59	18.0086.0028	3	Chụp X-quang	Chụp X-quang cột sống cổ thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]		73,300	73,300	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	60	18.0085.0028	3	Chụp Xquang	Chụp Xquang mỏm trâm		65,400	65,400	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	61	18.0084.0028	3	Chụp Xquang	Chụp Xquang phim cắn (Occlusal)		65,400	65,400	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	62	18.0083.0028	3	Chụp Xquang	Chụp Xquang răng toàn cảnh		65,400	65,400	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	64	18.0081.2032	3	Chụp Xquang	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical)		18,900	18,900	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	65	18.0080.0028	3	Chụp Xquang	Chụp Xquang khớp thái dương hàm		65,400	65,400	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	67	18.0078.0028	3	Chụp Xquang	Chụp Xquang Schuller		65,400	65,400	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	68	18.0077.0028	3	Chụp Xquang	Chụp Xquang Chausse III		65,400	65,400	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	70	18.0075.0028	3	Chụp Xquang	Chụp Xquang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến		65,400	65,400	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	92	08.0482.0235	5	Giác hơi điều	Giác hơi điều trị cảm cúm		33,200	33,200	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	93	08.0481.0235	5	Giác hơi điều	Giác hơi điều trị các chứng đau		33,200	33,200	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	94	08.0480.0235	5	Giác hơi điều	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong nhiệt		33,200	33,200	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	95	08.0479.0235	5	Giác hơi điều	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong hàn		33,200	33,200	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	96	08.0477.0228	5	Cứu điều trị r	Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn		35,500	35,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	97	08.0476.0228	5	Cứu điều trị c	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn		35,500	35,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	98	08.0475.0228	5	Cứu điều trị r	Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn		35,500	35,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	100	08.0473.0228	5	Cứu điều trị đ	Cứu điều trị đau lưng thể hàn		35,500	35,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	101	08.0472.0228	5	Cứu điều trị đ	Cứu điều trị đái dầm thể hàn		35,500	35,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	103	08.0470.0228	5	Cứu điều trị đ	Cứu điều trị đau bụng kinh thể hàn		35,500	35,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	104	08.0469.0228	5	Cứu điều trị s	Cứu điều trị sa tử cung thể hàn		35,500	35,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	105	08.0468.0228	5	Cứu điều trị b	Cứu điều trị bí đái thể hàn		35,500	35,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	107	08.0466.0228	5	Cứu điều trị li	Cứu điều trị liệt dương thể hàn		35,500	35,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	108	08.0465.0228	5	Cứu điều trị đ	Cứu điều trị di tinh thể hàn		35,500	35,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	110	08.0462.0228	5	Cứu điều trị g	Cứu điều trị giảm thính lực thể hàn		35,500	35,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	111	08.0461.0228	5	Cứu điều trị đ	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn		35,500	35,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	112	08.0460.0228	5	Cứu điều trị li	Cứu điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên thể hàn		35,500	35,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	113	08.0459.0228	5	Cứu điều trị li	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn		35,500	35,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	114	08.0458.0228	5	Cứu điều trị li	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn		35,500	35,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	115	08.0457.0228	5	Cứu điều trị li	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn		35,500	35,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	116	08.0456.0228	5	Cứu điều trị r	Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn		35,500	35,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	117	08.0455.0228	5	Cứu điều trị k	Cứu điều trị khàn tiếng thể hàn		35,500	35,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	118	08.0454.0228	5	Cứu điều trị n	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn		35,500	35,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	119	08.0453.0228	5	Cứu điều trị n	Cứu điều trị nấc thể hàn		35,500	35,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	120	08.0452.0228	5	Cứu điều trị đ	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn		35,500	35,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	121	08.0451.0228	5	Cứu điều trị h	Cứu điều trị hội chứng thắt lưng- hông thể phong hàn		35,500	35,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	122	08.0450.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng phân ly		65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	123	08.0449.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đái dầm		65,500	65,500	

Nhóm	Nhóm con	Mã số	Mã	Nhóm BHYT	Tên Dịch Vụ	Tên khác	Loại	Giá BHYT	Giá viện phí	Giá Dịch Vụ
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	124	08.0448.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau do ung thư		65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	125	08.0447.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật		65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	127	08.0445.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng vận động do		65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	128	08.0444.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị béo phì		65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	130	08.0442.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đái cơ năng		65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	131	08.0441.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác nông		65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	137	08.0434.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác	TT Loại 2A	65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	138	08.0433.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tic cơ mặt		65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	139	08.0432.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy	TT Loại 2A	65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	140	08.0428.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp		65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	141	08.0426.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng dạ dày- tá tràng		65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	142	08.0425.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn		65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	143	08.0424.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp		65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	144	08.0423.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị tăng huyết áp		65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	145	08.0422.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản		65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	147	08.0420.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực		65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	148	08.0419.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình		65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	150	08.0417.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác cơ năng		65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	151	08.0416.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai		65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	153	08.0414.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại b		65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	154	08.0413.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V		65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	155	08.0412.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây t		65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	156	08.0411.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thiểu năng tuần hoàn não mạn		65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	157	08.0410.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng stress		65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	158	08.0409.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ		65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	159	08.0408.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu		65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	161	08.0406.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược		65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	162	08.0402.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ		65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	163	08.0401.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khứu giác		65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	164	08.0400.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai		65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	165	08.0398.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng, ngất		65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	166	08.0397.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới		65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	167	08.0396.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên		65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	168	08.0393.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não		65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	170	08.0391.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người do tai biến mạch		65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	171	08.0390.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới		65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	173	08.0321.0230	18	Điện châm điệ	Điện châm điều trị chứng tic cơ mặt		67,300	67,300	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	174	08.0320.0230	18	Điện châm điệ	Điện châm điều trị liệt do viêm đa rễ, đa dây thần kinh		67,300	67,300	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	175	08.0319.0230	18	Điện châm điệ	Điện châm điều trị giảm đau do Zona		67,300	67,300	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	176	08.0318.0230	18	Điện châm điệ	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư		67,300	67,300	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	177	08.0317.0230	18	Điện châm điệ	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật		67,300	67,300	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	178	08.0316.0230	18	Điện châm điệ	Điện châm điều trị liệt do tổn thương đám rối dây thần kinh		67,300	67,300	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	179	08.0315.0230	18	Điện châm điệ	Điện châm điều trị giảm khứu giác		67,300	67,300	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	180	08.0314.0230	18	Điện châm điệ	Điện châm điều trị ù tai		67,300	67,300	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	181	08.0313.0230	18	Điện châm điệ	Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp		67,300	67,300	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	182	08.0312.0230	18	Điện châm điệ	Điện châm điều trị đau răng		67,300	67,300	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	183	08.0311.0230	18	Điện châm điệ	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hóa		67,300	67,300	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	184	08.0310.0230	18	Điện châm điệ	Điện châm điều trị viêm mũi xoang		67,300	67,300	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	185	08.0307.0230	18	Điện châm điệ	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác nông		67,300	67,300	

Nhóm	Nhóm con	Mã số	Mã	Nhóm BHYT	Tên Dịch Vụ	Tên khác	Loại	Giá BHYT	Giá viện phí	Giá Dịch Vụ
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	186	08.0306.0230	18	Điện châm điề	Điện châm điều trị lắc cơ năng		67,300	67,300	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	187	08.0305.0230	18	Điện châm điề	Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp		67,300	67,300	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	190	08.0302.0230	18	Điện châm điề	Điện châm điều trị chắp lẹo		67,300	67,300	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	191	08.0301.0230	18	Điện châm điề	Điện châm điều trị liệt chi trên		67,300	67,300	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	197	08.0295.0230	18	Điện châm điề	Điện châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh		67,300	67,300	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	198	08.0294.0230	18	Điện châm điề	Điện châm điều trị sa tử cung		67,300	67,300	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	03.NHI KHOA	213	03.0089.0898	5	Khí dung thuố	Khí dung thuốc cấp cứu		20,400	20,400	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.1.SIÊU ÂM	214	02.0314.0001	3	Siêu âm ổ bụn	Siêu âm ổ bụng		43,900	43,900	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	02.NỘI KHOA	216	02.0188.0210	18	Đặt sonde bà	Đặt sonde bàng quang		90,100	90,100	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	02.NỘI KHOA	218	02.0150.0114	5	Hút đờm hầu	Hút đờm hầu họng		11,100	11,100	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	02.NỘI KHOA	221	02.0085.1778	4	Điện tim thườ	Điện tim thường		32,800	32,800	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	01.HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐN	222	01.0281.1510	2	Xét nghiệm đ	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)		15,200	15,200	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	01.HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐN	223	01.0221.0211	5	Thụt tháo	Thụt tháo		82,100	82,100	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	01.HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐN	224	01.0218.0159	5	Rửa dạ dày cấ	Rửa dạ dày cấp cứu		119,000	119,000	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	01.HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐN	225	01.0216.0103	5	Đặt ống thông	Đặt ống thông dạ dày		90,100	90,100	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	01.HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐN	226	01.0160.0210	5	Đặt ống thông	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang		90,100	90,100	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	01.HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐN	227	01.0158.0074	5	Cấp cứu ngừn	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản		479,000	479,000	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	01.HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐN	228	01.0086.0898	5	Khí dung thuố	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)		20,400	20,400	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	01.HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐN	230	01.0076.0200	5	Chăm sóc lỗ r	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)		57,600	57,600	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	01.HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐN	231	01.0066.1888	5	Đặt ống nội k	Đặt ống nội khí quản		568,000	568,000	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	01.HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐN	233	01.0054.0114	5	Hút đờm qua	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ố		11,100	11,100	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	01.HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐN	234	01.0002.1778	4	Ghi điện tim c	Ghi điện tim cấp cứu tại giường		32,800	32,800	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	236	18.0120.0028	3	Chụp X-quang	Chụp X-quang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên [số hóa 1		65,400	65,400	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	238	18.0117.0028	3	Chụp X-quang	Chụp X-quang xương gót thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]		73,300	73,300	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	239	18.0116.0028	3	Chụp Xquang	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc c		65,400	65,400	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	240	18.0115.0028	3	Chụp X-quang	Chụp X-quang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch [s		65,400	65,400	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	241	18.0114.0028	3	Chụp Xquang	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng		65,400	65,400	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	242	18.0113.0028	3	Chụp Xquang	Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè		65,400	65,400	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	243	18.0112.0028	3	Chụp X-quang	Chụp X-quang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa		73,300	73,300	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	244	18.0111.0028	3	Chụp X-quang	Chụp X-quang xương đùi thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]		65,400	65,400	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	245	18.0110.0028	3	Chụp Xquang	Chụp Xquang khớp háng nghiêng		65,400	65,400	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	246	18.0109.0028	3	Chụp Xquang	Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên		65,400	65,400	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	247	18.0108.0028	3	Chụp Xquang	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chê		65,400	65,400	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	248	18.0107.0028	3	Chụp Xquang	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch		65,400	65,400	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	249	18.0106.0028	3	Chụp Xquang	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng		65,400	65,400	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	250	18.0105.0028	3	Chụp Xquang	Chụp Xquang khớp khuỷu gập (Jones hoặc Coyle)		65,400	65,400	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	251	18.0104.0028	3	Chụp X-quang	Chụp X-quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chếch [số h		65,400	65,400	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	254	18.0072.0029	3	Chụp X-quang	Chụp X-quang Blondeau [số hóa 2 phim]		97,200	97,200	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	256	18.0070.0028	3	Chụp Xquang	Chụp Xquang sọ tiếp tuyến		65,400	65,400	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	257	18.0069.0028	3	Chụp Xquang	Chụp Xquang mặt thấp hoặc mặt cao		65,400	65,400	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	258	18.0068.0028	3	Chụp Xquang	Chụp Xquang mặt thẳng nghiêng		65,400	65,400	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	259	18.0067.0028	3	Chụp X-quang	Chụp X-quang sọ thẳng/nghiêng [số hóa 1 phim]		65,400	65,400	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.1.SIÊU ÂM	260	18.0036.0001	3	Siêu âm thai r	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối		43,900	43,900	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.1.SIÊU ÂM	261	18.0035.0001	3	Siêu âm thai r	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa		43,900	43,900	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.1.SIÊU ÂM	262	18.0034.0001	3	Siêu âm thai r	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu		43,900	43,900	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.1.SIÊU ÂM	263	18.0030.0001	3	Siêu âm tử cu	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng		43,900	43,900	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.1.SIÊU ÂM	264	18.0020.0001	3	Siêu âm thai (	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)		43,900	43,900	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.1.SIÊU ÂM	265	18.0018.0001	3	Siêu âm tử cu	Siêu âm tử cung phần phụ		43,900	43,900	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.1.SIÊU ÂM	266	18.0016.0001	3	Siêu âm hệ tiế	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang		43,900	43,900	

Nhóm	Nhóm con	Mã số	Mã	Nhóm BHYT	Tên Dịch Vụ	Tên khác	Loại	Giá BHYT	Giá viện phí	Giá Dịch Vụ
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.1.SIÊU ÂM	267	18.0015.0001	3	Siêu âm ổ bụ	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)		43,900	43,900	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.1.SIÊU ÂM	268	18.0002.0001	3	Siêu âm các t	Siêu âm các tuyến nước bọt		43,900	43,900	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.1.SIÊU ÂM	269	18.0001.0001	3	Siêu âm tuyế	Siêu âm tuyến giáp		43,900	43,900	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	279	08.0431.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai		65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	280	08.0430.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng	TT Loại 2A	65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	281	08.0293.0230	18	Điện châm đi	Điện châm điều trị bí đái cơ năng		67,300	67,300	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	282	08.0292.0230	18	Điện châm đi	Điện châm điều trị rối loạn tiểu tiện		67,300	67,300	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	285	08.0284.0230	18	Điện châm đi	Điện châm điều trị trĩ		67,300	67,300	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	286	08.0283.0230	18	Điện châm đi	Điện châm điều trị viêm amidan		67,300	67,300	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	287	08.0282.0230	18	Điện châm đi	Điện châm điều trị cảm mạo		67,300	67,300	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	288	08.0281.0230	18	Điện châm đi	Điện châm điều trị hội chứng stress		67,300	67,300	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	289	08.0280.0230	18	Điện châm đi	Điện châm điều trị thiểu năng tuần hoàn não mạn tính		67,300	67,300	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	03.NHI KHOA	290	08.0279.0230	18	Điện châm đi	Điện châm điều trị huyết áp thấp		67,300	67,300	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	291	08.0278.0230	18	Điện châm đi	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	TT Loại 2A	67,300	67,300	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	11937	08.0280.0230	18	Điện châm đi	Điện châm điều trị thiểu năng tuần hoàn não	TT Loại 2A	67,300	67,300	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	11938	08.0281.0230	18	Điện châm đi	Điện châm điều trị hội chứng stress	TT Loại 2A	67,300	67,300	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	11939	08.0282.0230	18	Điện châm đi	Điện châm điều trị cảm mạo	TT Loại 2A	67,300	67,300	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	11940	08.0283.0230	18	Điện châm đi	Điện châm điều trị viêm amidan	TT Loại 2A	67,300	67,300	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	11941	08.0284.0230	18	Điện châm đi	Điện châm điều trị trĩ	TT Loại 2A	67,300	67,300	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	11943	08.0292.0230	18	Điện châm đi	Điện châm điều trị rối loạn tiểu tiện	TT Loại 2A	67,300	67,300	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	11944	08.0293.0230	18	Điện châm đi	Điện châm điều trị bí đái cơ năng	TT Loại 2A	67,300	67,300	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	11945	08.0294.0230	18	Điện châm đi	Điện châm điều trị sa tử cung	TT Loại 2A	67,300	67,300	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	11946	08.0295.0230	18	Điện châm đi	Điện châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	TT Loại 2A	67,300	67,300	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	11947	08.0297.0230	18	Điện châm đi	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh chức năi	TT Loại 2A	67,300	67,300	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	11949	08.0306.0230	18	Điện châm đi	Điện châm điều trị lác cơ năng	TT Loại 2A	67,300	67,300	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	11950	08.0307.0230	18	Điện châm đi	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác nông	TT Loại 2A	67,300	67,300	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	11952	08.0313.0230	18	Điện châm đi	Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp	TT Loại 2A	67,300	67,300	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	11953	08.0314.0230	18	Điện châm đi	Điện châm điều trị ù tai	TT Loại 2A	67,300	67,300	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	11954	08.0316.0230	18	Điện châm đi	Điện châm điều trị liệt do tổn thương đám rối	TT Loại 2A	67,300	67,300	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	11955	08.0320.0230	18	Điện châm đi	Điện châm điều trị liệt do viêm đa rễ, đa dây	TT Loại 2A	67,300	67,300	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	11956	08.0321.0230	18	Điện châm đi	Điện châm điều trị chứng tic cơ mặt	TT Loại 2A	67,300	67,300	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	11957	08.0391.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người do	TT Loại 2A	65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	11958	08.0392.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng thắt lư	TT Loại 2A	65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	11959	08.0398.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng, ngất	TT Loại 2A	65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	11961	08.0410.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng stress	TT Loại 2A	65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	11962	08.0411.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thiểu năng tuần h	TT Loại 2A	65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	11963	08.0417.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác cơ năng	TT Loại 2A	65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	11964	08.0418.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực	TT Loại 2A	65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	11965	08.0423.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị tăng huyết	TT Loại 2A	65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	11966	08.0424.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp	TT Loại 2A	65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	11967	08.0426.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng dạ dày	TT Loại 2A	65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	11969	08.0433.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tic cơ mặt	TT Loại 2A	65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	11974	08.0441.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác	TT Loại 2A	65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	11975	08.0442.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đái cơ năng	TT Loại 2A	65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	11976	08.0444.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị béo phì	TT Loại 2A	65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	11977	08.0445.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năn	TT Loại 2A	65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	11978	08.0450.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng phân ly	TT Loại 2A	65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	11979	08.0451.0228	5	Cứu điều trị h	Cứu điều trị hội chứng thắt lưng- hông thể ph	TT Loại 2A	35,500	35,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	11980	08.0453.0228	5	Cứu điều trị n	Cứu điều trị nấc thể hàn	TT Loại 2A	35,500	35,500	

Nhóm	Nhóm con	Mã số	Mã	Nhóm BHYT	Tên Dịch Vụ	Tên khác	Loại	Giá BHYT	Giá viện phí	Giá Dịch Vụ
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	11981	08.0460.0228	5	Cứu điều trị li	Cứu điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại bi	TT Loại 2A	35,500	35,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	11982	08.0462.0228	5	Cứu điều trị g	Cứu điều trị giảm thính lực thể hàn	TT Loại 2A	35,500	35,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	11983	08.0463.0228	5	Cứu hỗ trợ đi	Cứu hỗ trợ điều trị bệnh tự kỷ thể hàn	TT Loại 2A	35,500	35,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	11984	08.0465.0228	5	Cứu điều trị d	Cứu điều trị di tinh thể hàn	TT Loại 2A	35,500	35,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	11985	08.0466.0228	5	Cứu điều trị li	Cứu điều trị liệt dương thể hàn	TT Loại 2A	35,500	35,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	11986	08.0467.0228	5	Cứu điều trị r	Cứu điều trị rối loạn tiểu tiện thể hàn	TT Loại 2A	35,500	35,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	11987	08.0469.0228	5	Cứu điều trị s	Cứu điều trị sa tử cung thể hàn	TT Loại 2A	35,500	35,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	11990	08.0477.0228	5	Cứu điều trị r	Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn	TT Loại 2A	35,500	35,500	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	12362	18.0094.0029	3	Chụp Xquang	Chụp Xquang cột sống thắt lưng động, gập ưỡn[kts 1 phim		65,400	65,400	
2.XÉT NGHIỆM	23.HOÁ SINH	9704	23.0058.1487	2	Điện giải đồ (	Điện giải đồ (Na, K, Cl) [Máu]		29,000	29,000	
2.XÉT NGHIỆM	23.HOÁ SINH	10053	23.0166.1494	2	Định lượng Ur	Định lượng Urê máu [Máu]		21,500	21,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	11951	08.0311.0230	18	Điện châm đi	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hóa	TT Loại 2A	67,300	67,300	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	11968	08.0431.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp	TT Loại 2A	65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	11988	08.0470.0228	5	Cứu điều trị đ	Cứu điều trị đau bụng kinh thể hàn	TT Loại 2A	35,500	35,500	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	14301	18.0119.0028	3	Chụp X-quang	Chụp X-quang ngực thẳng [số hóa 1 phim]		73,300	73,300	
2.XÉT NGHIỆM	22.HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	3	24.0184.1637	2	Dengue virus	Dengue virus NS1Ag/IgM-IgG test nhanh		130,000	130,000	
2.XÉT NGHIỆM	22.HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	6	24.0144.1621	2	HCV Ab test r	HCV Ab test nhanh		53,600	53,600	
2.XÉT NGHIỆM	22.HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	23	23.0025.1493	2	Định lượng Bi	Định lượng Bilirubin trực tiếp [Máu]		21,500	21,500	
2.XÉT NGHIỆM	22.HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	26	23.0007.1494	2	Định lượng Al	Định lượng Albumin [Máu]		21,500	21,500	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	43	18.0102.0029	3	Chụp X-quang	Chụp X-quang xương bả vai thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]		97,200	97,200	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	46	18.0099.0028	3	Chụp X-quang	Chụp X-quang xương đòn thẳng hoặc chếch [số hóa 1 phim		65,400	65,400	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	49	18.0096.0029	3	Chụp Xquang	Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng		97,200	97,200	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	63	18.0082.0028	3	Chụp Xquang	Chụp Xquang răng cánh cắn (Bite wing)		65,400	65,400	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	66	18.0079.0028	3	Chụp Xquang	Chụp Xquang Stenvers		65,400	65,400	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	69	18.0076.0028	3	Chụp Xquang	Chụp Xquang hố yên thẳng hoặc nghiêng		65,400	65,400	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	106	08.0467.0228	5	Cứu điều trị r	Cứu điều trị rối loạn tiểu tiện thể hàn		35,500	35,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	109	08.0463.0228	5	Cứu hỗ trợ đi	Cứu hỗ trợ điều trị bệnh tự kỷ thể hàn		35,500	35,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	129	08.0443.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh thực vật		65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	132	08.0439.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón		65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	149	08.0418.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực		65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	152	08.0415.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mi		65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	169	08.0392.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng thắt lưng- hông		65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	172	08.0389.0280	18	Xoa bóp bấm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên		65,500	65,500	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	192	08.0300.0230	18	Điện châm đi	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	TT Loại 2A	67,300	67,300	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	08.Y HỌC CỔ TRUYỀN	195	08.0297.0230	18	Điện châm đi	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn th		67,300	67,300	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	03.NHI KHOA	212	03.0133.0210	5	Thông tiểu	Thông tiểu		90,100	90,100	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	01.HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐN	229	01.0085.0277	5	Vận động trị l	Vận động trị liệu hô hấp		30,100	30,100	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	01.HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐN	232	01.0065.0071	5	Bóp bóng Am	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ		216,000	216,000	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	235	18.0121.0028	3	Chụp Xquang	Chụp Xquang xương ức thẳng, nghiêng		65,400	65,400	
3.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	18.2.XQUANG	252	18.0074.0028	3	Chụp Xquang	Chụp Xquang hàm chếch một bên		65,400	65,400	
5.THỦ THUẬT, PHẪU THUẬT	03.NHI KHOA	292	08.0024.0249	5	Ngâm thuốc Y	Ngâm thuốc YHCT bộ phận		49,400	49,400	